

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ Y TẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **21391** /SYT-NVY
V/v phân luồng tiếp nhận, điều trị
người bệnh COVID-19 (lần 4).

Hà Nội, ngày **05** tháng 12 năm 2021

Kính gửi:

- Các bệnh viện công lập và ngoài công lập.
- Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã;
- Trung tâm cấp cứu 115.

Căn cứ Quyết định số 4689/QĐ-BYT ngày 06/10/2021 của Bộ Y tế về ban hành “Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị COVID-19”;

Căn cứ Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01/12/2021 của Bộ Y tế về Hướng dẫn phân loại nguy cơ người nhiễm SARS-CoV-2 và định hướng xử trí, cách ly, điều trị;

Sở Y tế Hà Nội hướng dẫn phân luồng tiếp nhận, điều trị người bệnh COVID-19 trên cơ sở các nguyên tắc như sau:


1. Người bệnh COVID-19 được phân luồng, quản lý, điều trị tại các Bệnh viện, Cơ sở thu dung, điều trị COVID-19, Trạm Y tế lưu động và theo dõi điều trị tại nhà theo phân tầng điều trị, mức độ triệu chứng lâm sàng, mức độ nguy cơ của người bệnh (*Phụ lục 1, 2, 3*).

2. Các bệnh viện thường xuyên đánh giá diễn biến, mức độ lâm sàng, xét nghiệm của người bệnh COVID-19; chủ động chuyển người bệnh đến các cơ sở điều trị ở tầng thấp hơn tiếp tục quản lý, điều trị khi tình trạng ổn định; ưu tiên bố trí giường bệnh tầng 2, tầng 3 để tiếp nhận người bệnh mới.

Sở Y tế Hà Nội yêu cầu các đơn vị nghiêm túc thực hiện, trong quá trình triển khai báo cáo khó khăn, vướng mắc (nếu có) để được giải quyết; tùy tình diễn biến dịch bệnh trên địa bàn, việc phân luồng tiếp nhận điều trị người bệnh COVID-19 sẽ được điều chỉnh cho phù hợp thực tế./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - UBND Thành phố;
 - VP UBND TP;
 - Đ/c Giám đốc SYT;
 - UBND quận, huyện, thị xã (để phối hợp chỉ đạo)
 - Lưu VT, NVY (Thanh).
- (để báo cáo)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC *nh*

Nguyễn Đình Hưng

BẢNG PHÂN LƯỢNG ĐIỀU TRỊ ĐỐI VỚI NGƯỜI BỆNH COVID-19

(Kèm theo Công văn số 11591/SYT-NVY ngày 05 tháng 12 năm 2021)

Mức độ lâm sàng (*)	Yếu tố nguy cơ (**)	Tầng điều trị	Cơ sở tiếp nhận
Nặng hoặc Nguy kịch	Có hoặc không	Tầng 3	BVDK Đức Giang, BV Thanh Nhân, BV Hà Đông, BV Xanh Pôn, BV Sơn Tây Bệnh viện Trung ương.
Trung bình	Nguy cơ rất cao: - Tuổi ≥ 65 và chưa tiêm đủ liều vắc xin - Mắc bệnh lý nền và chưa tiêm đủ liều vắc xin - Có tình trạng cấp cứu chuyên khoa	Tầng 3	Bệnh viện thuộc tầng 3, BV Phụ Sản Hà Nội Bệnh viện Trung ương
	Nguy cơ cao, trung bình và thấp	Tầng 2	Bệnh viện thuộc tầng 2,
Không triệu chứng hoặc Triệu chứng nhẹ	Nguy cơ rất cao		
	Nguy cơ cao: - Tuổi ≥ 65 và đã tiêm đủ liều vắc xin - Mắc bệnh lý nền và đã tiêm đủ liều vắc xin - Từ 50 – 64 tuổi chưa phát hiện bệnh nền và chưa tiêm đủ liều vắc xin - Phụ nữ có thai và sinh con ≤ 42 ngày - Trẻ em ≤ 3 tháng	Tầng 2	Bệnh viện thuộc tầng 2.
	Nguy cơ trung bình: - Từ 50 – 64 tuổi chưa phát hiện bệnh nền và đã tiêm đủ liều vắc xin - Tuổi từ ≥ 3 tháng đến ≤ 49 tuổi và chưa tiêm đủ liều vắc xin Nguy cơ thấp: Tuổi từ ≥ 3 tháng đến ≤ 49 tuổi và chưa phát hiện bệnh nền, đã tiêm đủ liều vắc xin, không có triệu chứng cần can thiệp y tế.	Tầng 1	Điều trị tại nhà, Trạm y tế lưu động (Cơ sở thu dung, điều trị COVID-19 tại q/h), Cơ sở thu dung, điều trị COVID-19.

Những trường hợp đặc biệt		
Người bệnh	Phân tầng	Cơ sở tiếp nhận
Người bệnh chạy thận nhân tạo, lọc màng bụng.	Tầng 1, Tầng 2	BV Bắc Thăng Long
	Tầng 2, Tầng 3	BV Thanh Nhân, BV DK Đức Giang BV Trung ương
Người bệnh đang điều trị HIV, Lao.	Tầng 1, Tầng 2	BVĐK Đống Đa ; BV Phổi Hà Nội;
	Tầng 3	BV Thanh Nhân; BV Đức Giang BV Trung ương.
Người có bệnh lý tâm thần, người đang cai nghiện tại cộng đồng.	Tầng 1, Tầng 2	Bệnh viện Tâm thần Hà Nội.
	Tầng 3	BV Thanh Nhân; BV Đức Giang (BV Tâm thần HN phổi hợp) BV Trung ương.
Người bệnh mắc các bệnh lý chuyên khoa khác (răng hàm mặt, mắt, tai mũi họng...)	Tầng 1, Tầng 2	Bệnh viện đa khoa tầng 2
	Tầng 3	BV Thanh Nhân, BVĐK Đức Giang BV Trung ương.

* Bệnh viện Phổi Hà Nội, BV Tim Hà Nội, BV Ung Bướu Hà Nội, BV Phụ sản Hà Nội : tiếp nhận người bệnh theo chuyên khoa.

Ghi chú:

(*) Mức độ lâm sàng: theo Quyết định 4689/QĐ-BYT ngày 06/10/2021

(**) Yếu tố nguy cơ: theo Quyết định 5525/QĐ-BYT ngày 01/12/2021

Phụ lục 2: Phân loại mức độ lâm sàng

Mức độ	Dấu hiệu lâm sàng
Triệu chứng nhẹ	<p>Người bệnh COVID-19 có các triệu chứng lâm sàng không đặc hiệu như sốt, ho khan, đau họng, nghẹt mũi, mệt mỏi, đau đầu, đau mỏi cơ, mất vị giác, khứu giác, tiêu chảy..</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhịp thở < 20 lần/phút, SpO2 > 96% khi thở khí trời. - Tinh táo, người bệnh tự phục vụ được. - X-quang phổi bình thường hoặc có nhưng tổn thương ít.
Trung bình	<p>Lâm sàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Toàn trạng: Người bệnh có các triệu chứng lâm sàng không đặc hiệu mức độ nhẹ. - Hô hấp: Có dấu hiệu viêm phổi với khó thở, thở nhanh 20-25 lần/phút, phổi có ran nổ và không có dấu hiệu suy hô hấp nặng, SpO2 94-96% khi thở khí phòng. - Người bệnh có thể khó thở khi gắng sức (đi lại trong nhà, lên cầu thang). - Tuần hoàn: mạch nhanh hoặc chậm, da khô, nhịp tim nhanh, huyết áp bình thường. - Ý thức: tỉnh táo. <p>Cận lâm sàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - X-quang ngực và CLVT ngực: có tổn thương, tổn thương dưới 50%. - Siêu âm: hình ảnh sóng B. - Khí máu động mạch: PaO2 /FiO2 > 300
Nặng	<p>Lâm sàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Có dấu hiệu viêm phổi kèm theo bất kỳ một trong các dấu hiệu sau: nhịp thở > 25 lần/phút; khó thở nặng, cơ kéo cơ hô hấp phụ; SpO2 < 94% khi thở khí phòng. - Tuần hoàn: nhịp tim nhanh hoặc có thể nhịp tim chậm, HA bình thường hay tăng. - Thần kinh: bệnh nhân có thể bứt rứt hoặc dừ, mệt. <p>Cận lâm sàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - X-quang ngực và CLVT ngực: có tổn thương, tổn thương trên 50%. - Khí máu động mạch: PaO2/FiO2 200 - 300 - Siêu âm: hình ảnh sóng B nhiều.
Nguy kịch	<p>Lâm sàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: thở nhanh > 30 lần/phút hoặc < 10 lần/phút, có dấu hiệu suy hô hấp nặng với thở gắng sức nhiều, thở bất thường. - Thần kinh: ý thức giảm hoặc hôn mê. - Tuần hoàn: nhịp tim nhanh, có thể nhịp tim chậm, huyết áp tụt. - Thận: tiểu ít hoặc vô niệu. <p>Cận lâm sàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - X-quang ngực và CLVT ngực: có tổn thương, tổn thương trên 50%. - Khí máu động mạch: PaO2/FiO2 < 200, toan hô hấp, lactat máu > 2 mmol/L. - Siêu âm: hình ảnh sóng B nhiều

Phụ lục 3: Danh sách bệnh lý nền

STT	Tên bệnh lý nền
1	Đái tháo đường
2	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và các bệnh phổi khác
3	Ung thư (đặc biệt là các khối u ác tính về huyết học , ung thư phổi và bệnh ung thư di căn khác)
4	Bệnh thận mạn tính
5	Ghép tạng hoặc cấy ghép tế bào gốc tạo máu
6	Béo phì, thừa cân
7	Bệnh tim mạch (suy tim, bệnh động mạch vành hoặc bệnh cơ tim)
8	Bệnh lý mạch máu não
9	Hội chứng Down
10	HIV/AIDS
11	Bệnh lý thần kinh, bao gồm sa sút trí tuệ
12	Bệnh hồng cầu hình liềm
13	Bệnh hen suyễn
14	Tăng huyết áp
15	Thiếu hụt miễn dịch
16	Bệnh gan
17	Rối loạn sử dụng chất gây nghiện
18	Sử dụng Corticosteroid hoặc các thuốc ức chế miễn dịch khác
19	Các loại bệnh hệ thống
20	Các bệnh nền của trẻ em theo hướng dẫn điều trị của Bộ Y tế

